

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung, nợ chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Ông **Đặng Hữu P**, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

**Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Y, quận X, thành phố Hồ Chí Minh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông P quyết định chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống bà L còn độc thân, ông P đã kết hôn nhưng đã ly hôn rồi mới kết hôn với bà L, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông P thường xuyên đánh đập bà, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu Công an xã M can thiệp, giải quyết. Do không thể tiếp tục chung sống nên nay bà L đã ra ngoài sống riêng và hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đặng Hữu P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 06/9/2005 và Đặng Bích N, sinh ngày 05/12/2017. Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng Bích N và giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng bà L, ông P có vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP S- chi nhánh Bình Phước. Trước đây, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên cho chị và ông P, mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số nợ trên. Tuy nhiên, ngày 30/3/2021 bà L, ông P đã trả nợ cho ngân hàng TMCP S. Vì vậy, nay bà L xin rút yêu cầu về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung nữa.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Hữu P trình bày :*

Về quan hệ hôn nhân: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà L về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do nhiều khi ông P cũng có nhậu nhẹt với bạn bè xong về bà L có nói qua lại và có hơi xúc phạm nên có đôi khi ông không kiềm chế được bản thân mới xảy ra gây lộn và Công an xã cũng có can thiệp. Nay hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, đã sống ly thân. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý vì ông đã biết ông sai nhưng ông vẫn còn thương vợ con, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 06/9/2005 và Đặng Bích N, sinh ngày 05/12/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý nuôi con chung tên Đặng Thị Mỹ D và giao con

chung tên Đặng Bích N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông P thống nhất trước đây có vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 200.000.000 đồng nhưng ông bà đã trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 30/3/2021 bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Hữu P đã hoàn tất nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP S-chi nhánh Chơn Thành theo hợp đồng tín dụng số LD1811000029 ngày 20/4/2018 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01/LD1811000029 ngày 16/4/2019, số 02/LD1811000029 ngày 14/4/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP S không có yêu cầu và ý kiến gì đối việc giải quyết tranh chấp số tiền nợ trên nữa.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Đặng Hữu P không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71,72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà L và ông P chung sống với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đặng Hữu P.

Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng Bích N và giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P cũng đồng ý nuôi con chung tên Đặng Thị Mỹ D và giao con chung tên Đặng Bích N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung tên Đặng Thị Mỹ D. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Đặng Bích N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về phần nợ chung

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Đặng Hữu P có nơi cư trú tại ấp 3A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:***

[4] Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Hữu P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Ông P thường xuyên đánh đập bà L và bà đã nhiều lần yêu cầu Công an xã M

can thiệp, giải quyết. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà L đã ra ngoài sống và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Ông P cho rằng trong quá trình chung vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do nhiều khi ông cũng có nhậu nhẹt với bạn bè xong về bà L có nói qua lại và có hơi xúc phạm nên có đôi khi ông không kiềm chế được bản thân mới xảy ra gây lộn và công an xã cũng có can thiệp. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Thành. Xét thấy, giữa bà L và ông P thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà L cho bà L được ly hôn với ông P.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông P có 02 con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 06/9/2005 và Đặng Bích N, sinh ngày 05/12/2017. Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng Bích N và giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Ông P không đồng ý ly hôn nhưng nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý nuôi con chung tên Đặng Thị Mỹ D và giao con chung tên Đặng Bích N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Đặng Thị Mỹ D. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà L giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 06/9/2005 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Đặng Bích N, sinh 05/12/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L, ông P không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà L, ông P không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[9] Về nợ chung: Vợ chồng bà L, ông P có vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP S- chi nhánh Bình Phước. Trước đây, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên cho chị và ông P, mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số nợ trên. Tuy nhiên, ngày 30/3/2021 bà L, ông P đã trả nợ cho ngân hàng TMCP S. Vì vậy, nay bà L xin rút yêu cầu về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung nữa. Ông P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng TMCP S trình bày số nợ trên bà L, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng không có

yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về phần nợ chung.

[9 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đặng Hữu P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 06/9/2005 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Đặng Bích N, 05/12/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L và ông P mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số nợ 200.000.000 đồng vay Ngân hàng TMCP S- chi nhánh Bình Phước.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002763 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 5.000.000 đồng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND N-huyện S-Thanh Hóa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Xuân Thiều**

**Nguyễn Việt  
Thành**

**Ung Thị Ngọc Thanh**



